

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số #sov/ GPMT-UBND ngày #nbh/6/2025 của UBND huyện Duy Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh tại Cơ sở là nước thải sinh hoạt, phát sinh từ 04 nguồn, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ các lavabo và nhà tắm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà hàng.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hồ bơi (nước vệ sinh bộ lọc nước).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Cơ sở có 01 dòng nước thải vào mương tiêu nước ở phía Đông của cơ sở tại thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Mương tiêu nước ở phía Đông của cơ sở tại thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X(m): 1746418; Y(m): 538202.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được bơm tự động theo đường ống PVC Ø49 dài 40m ra mương tiêu nước tại thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm; thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ($K = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, dẫn nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nước thải phát sinh được thu gom như sau:

- Khu vực nhà hàng – khách sạn:

+ Nước thải nhà hàng phát sinh từ bếp ăn được đưa qua hố ga tách rác sau đó chảy vào bể tách mỡ (bằng đường ống nhựa PVC Ø90 dài 8m) và tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø200 (qua 1 hố ga 0,6m x 0,6m x 0,9m) về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Khách sạn - Nhà hàng.

+ Nước thải nhà vệ sinh từ khu nhà hàng tự chảy (theo đường ống nhựa PVC Ø114 dài 7m) về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø200 dài 8m (qua 1 hố ga 0,6m x 0,6m x 0,9m) về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải nhà vệ sinh từ khu khách sạn tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø114 về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø200 dài 12m (qua 1 hố ga 0,6m x 0,6m x 0,9m) về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ lavabo, nhà tắm tại khu khách sạn – nhà hàng được tách rác sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø200 về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Khu vực villa, spa, hồ bơi:*

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của villa được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn sau đó tự chảy ra hố ga nước thải; nước thải từ lavabo, nhà tắm được tách rác sau đó tự chảy ra hố ga nước thải. Nước thải từ các hố ga nước thải tự chảy (theo đường ống nhựa PVC Ø200 dài 18m) về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu spa được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn tự chảy ra hố ga nước thải; nước thải từ lavabo, nhà tắm được tách rác sau đó tự chảy ra hố ga nước thải. Nước thải từ các hố ga nước thải tự chảy (theo đường ống nhựa PVC Ø200 dài 18m) về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

+ Nước hồ bơi được lọc khử trùng sau đó tuần hoàn về lại hồ bơi không xả ra môi trường. Nước vệ sinh thiết bị lọc tự chảy về hố ga nước thải khách sạn và chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

- *Khu nhà vệ sinh công cộng, khu làm việc:* Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø200 về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ ➡ Hố thu gom ➡ Bể điều hòa ➡ Bể Anoxic ➡ Bể Aerotank ➡ Bể lắng ➡ Bể khử trùng ➡ Mương tiêu nước tại thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng:

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Clorine, men vi sinh.

+ Đối với nước hồ bơi: Clo, HCL.

- Bùn lắng từ bể lắng được bơm hồi lưu về bể Anoxic, bùn dư được bơm về bể chứa bùn. Nước tách bùn trên bề mặt bể chứa bùn tự chảy về bể thu gom. Bùn từ bể chứa bùn được Cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định như đối với chất thải thông thường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư các thiết bị, máy móc hiện đại và đối với mỗi loại thiết bị đều có dự phòng.

- Đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Định kì tiến hành duy tu bảo dưỡng thiết bị thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống thoát nước.

- Định kỳ kiểm tra đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố hư hỏng đường ống, rò rỉ nước thải ra khu vực xung quanh.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định; duy trì thường xuyên hóa chất trong hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố, dừng ngay hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận và tiến hành khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất. Trường hợp sự cố kéo dài, tạm ngưng sản xuất cho đến khi đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước xả thải ra môi trường theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Cơ sở đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3406/GP-UBND ngày 28/10/2019)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3.4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do hoạt động xả nước thải của mình gây ra theo quy định.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

hụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số #sov/b/GPMT-UBND ngày #nbh/6/2025
của UBND huyện Duy Xuyên)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cổng ra vào của cơ sở.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt quạt hút tại hệ thống hút mùi nhà bếp.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 05: Khu vực tổ chức hội nghị, sự kiện tiệc cưới.
- Nguồn số 06: Khu vực đặt hệ thống máy điều hoà.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Cơ sở không có công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung mà thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại, ít gây ồn; nâng cấp, thay thế những thiết bị, máy móc đã xuống cấp có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh.
- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Lựa chọn vị trí đặt các thiết bị, máy móc có khả năng gây ồn phù hợp, cách xa khu vực khách sạn, nhà hàng.

- Xây dựng nội quy đối với các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số #sov/6/2025-GPMT-UBND ngày #nbh/6/2025
của UBND huyện Duy Xuyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in thải	Rắn/lỏng	08 02 01	0,5
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	0,5
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	5
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	2
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	2
Tổng				10

* Chất thải công nghiệp phải kiểm soát hiện nay được cơ sở quản lý theo chất thải nguy hại.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: 80 kg/năm.
- Giấy và bao bì các tông thải bỏ: 20 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 3.358 kg/tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích kho: 4 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: 01 kho
- Diện tích kho: 2 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích: 2 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Một số yêu cầu khác

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với chương trình, kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của tỉnh ban hành theo từng thời kì phát triển (Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022)

- Thực hiện nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt là tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Tái sử dụng sản phẩm thải bỏ;

(2) Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng;

(3) Tận dụng thành phần, kinh kiện của sản phẩm thải bỏ;

(4) Chuyển giao đưa đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải công nghiệp thông thường có khả năng tái

chế theo mã chất thải quy định tại mục C danh mục chi tiết của các chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với mã chất thải có ký hiệu phân loại TT-R sau khi phân loại theo đúng quy định được quản lý như sản phẩm, hàng hoá và được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hoá chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số #sovb/GPMT-UBND ngày #nbh/6/2025
của UBND huyện Duy Xuyên)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có

D. YÊU CẦU KHÁC

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.